| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN SƠN DƯƠNG**<br>**TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc L - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **02**/2024/HS-ST
Ngày: 17/01/2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S.D, TỈNH T.Q**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Hoàng Thị Minh Khánh.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ma Quốc Thể

2. Ông Trần Hữu Lượng

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện S.D.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D tham gia phiên toà:*** Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 17/01/2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S.D, tỉnh T.Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 165/2023/TLST- HS ngày 22 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HS, ngày 05 tháng 01 năm 2024, đối với bị cáo:

**G.V.T**, sinh ngày 28/6/2001 tại huyện S.D, tỉnh T.Q; Nơi cư trú: Thôn N.T, xã M.T, huyện S.D, tỉnh T.Q; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông: G.V.V, sinh năm 1971; con bà: L.T.S, sinh năm 1979; Vợ, con: Chưa có; Anh, chị, em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 219 ngày 23/8/2022, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt G.V.T 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (tài sản trộm cắp trị giá 3.000.000đ), án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ. Ngày 14/11/2022 nộp xong tiền án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 02/11/2022 T đã chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 16/6/2022, Công an thành phố Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính đối với G.V.T về hành vi Cố ý gây thương tích, phạt tiền 6.500.000đ.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/11/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T.Q. *(Có mặt tại phiên tòa)*

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Phạm Thế Nghĩa, Trợ giúp viên - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T.Q. *(Có mặt tại phiên tòa)*

- *Người bị hại:* Ông M.V.L, sinh năm 1978; trú tại: Thôn Đ.Đ, xã M.T, huyện S.D, tỉnh T.Q. (*Có mặt tại phiên tòa)*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh V.A.D, sinh năm 1983; trú tại: Thôn B, xã T.T, huyện S.D, tỉnh T.Q. (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

G.V.T đã có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù, T trở về địa phương sinh sống, không có công việc ổn định, thường xuyên đi tìm kiếm tài sản của người khác để trộm cắp đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Khoảng 01 giờ ngày 29/11/2023, T đi bộ từ nhà đến thôn Đ.Đ, xã M.T, huyện S.D, khi đi qua nhà anh M.V.L, thấy nhà anh L không có cổng, đèn chiếu sáng trong nhà tắt nên T nảy sinh ý định vào nhà anh L tìm kiếm tài sản để trộm cắp. T đi vào khu vực lán sao chè phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu TENDER, màu sơn nâu, biển số 22K5-7269 (đăng ký xe mang tên Phan Văn Vịnh, trú tại thôn Bòng, xã T.T, anh L mua của anh Vịnh nhưng chưa sang tên đổi chủ), chìa khóa xe vẫn cắm ở chìa khóa điện. T dắt xe ra ngoài nổ máy và điều khiển xe đến khu vực hàng cây duối thuộc xã T.T nằm nghỉ chờ trời sáng để đem xe đi tiêu thụ.

Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô trộm cắp được đến cửa hàng thu mua sắt vụn của V.A.D để bán xe, T nói với Dũng *"Đây là xe của bố cháu, xe cũ nên bảo mang đi bán sắt vụn*". Dũng đồng ý mua, với giá 1.100.000đ. T đã chi tiêu cá nhân hết số tiền bán xe. Khi anh L phát hiện bị mất xe mô tô đã trình báo Công an xã M.T.

Khoảng 02 giờ ngày 30/11/2023, T tiếp tục đi bộ lang thang tìm kiếm tài sản trộm cắp thì tổ công tác Công an xã M.T mời về trụ sở làm việc. T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của anh L.

Kết luận định giá tài sản số 108/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 30/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S.D, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu TENDER, màu sơn nâu, biển số 22K5-7269 trị giá 1.200.000đ (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*).

Cáo trạng số 02/CT-VKSSD, ngày 21/12/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D đã truy tố G.V.T về tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

- Tuyên bố: Bị cáo G.V.T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

- Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo G.V.T từ 06 tháng đến 09 tháng tù, hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam. Không đề nghị hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả cho anh Dũng số tiền 1.100.000đ. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX buộc bị cáo nộp

tiền án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo, ông Phạm Thế Nghĩa trình bày luận cứ bào chữa: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, căn cứ cuộc thẩm vấn công khai tại phiên tòa. Nhận thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D đã truy tố đối với bị cáo G.V.T về tội "*Trộm cắp tài sản"* là đúng người đúng tội. Đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo: bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, trình độ văn hóa thấp nên nhận thức pháp luật bị hạn chế; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị HĐXX xử bị cáo với mức án thấp nhất trong khung đề nghị của Viện kiểm sát. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì nên đề nghị HĐXX không xem xét; Về yêu cầu của người có quyền lợi liên quan đề nghị HĐXX xem xét buộc bị cáo phải trả cho anh V.A.D số tiền mua xe là 1.100.000đ; Do bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn, không có việc làm ổn định nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo và đề nghị miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng: Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo G.V.T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nội dung Cáo trạng đã truy tố.

[2] Về tội danh: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, lời khai của người bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01 giờ ngày 29/11/2023, tại thôn Đ.Đ, xã M.T, huyện S.D, G.V.T đã có 01 tiền án chưa được xóa án tích đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu TENDER màu sơn nâu, biển số 22K5-7269 trị giá 1.200.000đ (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*) của anh M.V.L, trú tại thôn Đ.Đ, xã M.T, huyện S.D, tỉnh T.Q.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D truy tố G.V.T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, lợi dụng sơ hở trong quản lý, trông coi tài sản của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bản thân bị cáo đã bị xét xử về tội trộm cắp tài sản, ngay sau khi ra tù bị cáo không cải tạo mình mà tiếp tục phạm tội, lần phạm tội này mặc dù giá trị tài sản không lớn, chưa đủ định lượng

nhưng bị cáo chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này là căn cứ định tội đối với bị cáo. Do vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và đường lối xử lý đối với bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã được phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét mức án mà đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo đề nghị là phù hợp nên chấp nhận xử phạt bị cáo trong mức án Viện kiểm sát đề nghị.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo do bị cáo không có việc làm ổn định, không có tài sản có giá trị nên HĐXX chấp nhận không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về phần dân sự: Bị hại anh M.V.L đã nhận lại xe mô tô bị mất, anh L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh V.A.D yêu cầu bị cáo phải trả cho anh số tiền 1.100.000đ vì khi mua anh không biết là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Xét đề nghị của anh Dũng là phù hợp nên HĐXX chấp nhận buộc bị cáo phải trả cho anh V.A.D số tiền mua xe mô tô là 1.100.000đ.

[6] Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S.D đã tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu TENDER màu sơn nâu, biển số 22K5-7269. Ngày 01/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S.D đã trả lại cho anh M.V.L là chủ sở hữu.

Do vậy HĐXX không xem xét.

[7] Các vấn đề có liên quan: Đối với việc anh V.A.D mua xe mô tô của G.V.T, nhưng anh Dũng không biết việc T trộm cắp tài sản nên không đề cập xử lý.

[8] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S.D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Về án phí: Tại phiên tòa bị cáo có đơn xin miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. HĐXX chấp nhận miễn 100% án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS;

Căn cứ: Điều 136, 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 584; 585; 586; 589; 357 Bộ luật Dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

- Tuyên bố: Bị cáo G.V.T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

***1. Về hình phạt:*** Xử phạt bị cáo G.V.T 06 (sáu) tháng tù. Hạn tù của bị cáo tính từ ngày bị bắt tạm giam (30/11/2023).

***2. Về trách nhiệm dân sự:***

Bị cáo có nghĩa vụ trả cho anh V.A.D số tiền 1.100.000đ (*Một triệu một trăm nghìn đồng*).

*Khoản tiền phải trả kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh Dũng có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, nếu bị cáo chậm trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.*

"*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

***3. Về án phí và quyền kháng cáo:***

Miễn 100% án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo;

Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo đối với phần liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

***Nơi nhận***:
- *TAND tỉnh T.Q;*
- *VKSND tỉnh T.Q;*
- *Trại tạm giam CA tỉnh TQ;*
- *VKSND huyện S.D;*
- *Cơ quan CSĐT CA huyện SD;*
- *Chi cục T.H.A dân sự huyện SD;*
- *UBND xã M.T;*
- *Bị cáo;*
- *Người tham gia tố tụng khác;*
- *Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Minh Khánh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Hữu Lượng – Ma Quốc Thể**

**Hoàng Thị Minh Khánh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Minh Hùng – Trần Hữu Lượng** **Hoàng Thị Minh Khánh**

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh T.Q;
- VKSND tỉnh T.Q;
- Trại tạm giam Công an tỉnh TQ;
- VKSND huyện S.D;
- Công an huyện S.D;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện SD;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Minh Khánh**